

Bản án số: 493/2025/HNGĐ - ST  
Ngày: 25/8/2025  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Viên
2. Bà Tiêu Thị Kim Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1329/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025.

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng L, sinh ngày 21/10/1979  
Căn cước công dân số 079079023463, cấp ngày 10/5/2021  
Địa chỉ: phường T, quận 12, TPHCM  
(Nay là phường Đ, thành phố Hồ chí Minh)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 09/8/1978  
Căn cước công dân số 079178027257, cấp ngày 10/5/2021  
Địa chỉ: phường T, quận 12, TPHCM  
(Nay là phường Đ, thành phố Hồ chí Minh)

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng L và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Nguyễn Hồng L và bà Nguyễn Thị Ngọc K chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, đăng ký ngày 11/3/2016, do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài. Cả hai chung sống có hai con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 01/8/1999 và Nguyễn Hồng L1, sinh ngày 09/8/2004, cả hai đều đã trưởng thành. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng ý kiến nên không còn hòa hợp nhau, đã sống ly thân hơn hai năm nay nên tình cảm dành cho bà K không còn. Ông L đề nghị ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mình. Tài sản chung không có. Nợ chung không có.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc K trình bày:

Bà K thừa nhận bà và ông Nguyễn Hồng L chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, đăng ký ngày 11/3/2016, do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cả hai chung sống có hai con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 01/8/1999 và Nguyễn Hồng L1, sinh ngày 09/8/2004, đều đã trưởng thành. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian dài. Khoảng 10 năm trước vợ chồng mâu thuẫn bà K có gửi đơn ly hôn đến Tòa án, được gia đình động viên nên bà rút đơn khởi kiện về. Từ đó đến nay vợ chồng không còn tiếng nói chung, cả hai đều sống theo cách riêng của mình. Dù biết vợ chồng không còn yêu thương nhau nhưng vì muốn gìn giữ gia đình cho các con có cha có mẹ đáng hoàng với xã hội nên bà chấp nhận sống với các con mà không cần ông L quan tâm. Hai năm qua ông L ra ở riêng không quan tâm đến cuộc sống của bà và các con nhưng bà luôn tạo điều kiện để ông L thăm con. Thời gian qua ông L cũng chỉ ghé nhà thăm con chứ không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà đã cố gắng rất nhiều để níu kéo nhưng không có kết quả. Dù vậy, bà vẫn không đồng ý ly hôn. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Ông L nộp đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần và xét xử vắng mặt ông tại phiên tòa xét xử các cấp. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L vắng mặt không ghi nhận được ý kiến. Bà K có mặt giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn cư trú tại phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, đăng ký ngày 11/3/2016, do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cấp; Nay có yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn có mặt; Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

2.1. Về tình cảm vợ chồng:

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng; Các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bị đơn không mong muốn ly hôn, duy trì cuộc sống hôn nhân không tình cảm vợ chồng nhằm tìm cách níu kéo, hàn gắn nhưng nguyên đơn không đáp lại, cả hai sống ly thân mỗi người mỗi nơi trong khoảng thời gian hơn hai năm qua là quá dài. Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng dành cho bị đơn không còn nên cương quyết ly hôn, đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, điều này càng thể hiện sự tự nguyện xây dựng hôn nhân và gia đình của nguyên đơn không còn nữa. Đời sống vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân của các đương sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 01/8/1999 và Nguyễn Hồng L1, sinh ngày 09/8/2004, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hồng L được ly hôn bà Nguyễn Thị Ngọc K. Giấy chứng nhận kết hôn số 27, đăng ký ngày 11/3/2016, do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn hiệu lực.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Hồng Ái N, sinh ngày 01/8/1999 và Nguyễn Hồng L1, sinh ngày 09/8/2004, đều đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Hồng L chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Hồng L đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số 0002351 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hồng L đã nộp đủ án phí.

5/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

### Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSNDKV7;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Tứ Nhị**